

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1984

Cùng nơi ĐKKTT: Tổ 21, Phường Trung T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Tiến H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Tiến H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hải D, sinh ngày 05/5/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/9/2017.

Chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải D, sinh ngày 05/5/2012 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/9/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Hà có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hải D số tiền 1.500.000đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và Nguyễn Minh C số tiền 1.500.000đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tới khi con đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Thị H nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước theo biên lai thu số 0002795 ngày 03/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Các đ-ơng sự;
- UBND p. Trung T;
- L- u Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thanh Nhân

